

Số : 80/ TB-CĐCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai mức học phí tín chỉ năm học 2025-2026

Căn cứ quyết định số 21/QĐ-HĐQT, ngày 25 tháng 12 năm 2024, Về việc quyết định mức thu học phí đối với khóa tuyển sinh năm 2025.

Nhà trường thông báo công khai đơn giá mức thu học phí tuyển sinh cho khóa 2025-2026 như sau:

Số TT	Chương trình	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
01	Chương trình Cao đẳng chất lượng cao	693.000đ/tín chỉ	
02	Chương trình cao đẳng đại trà	495.000đ/tín chỉ	
03	Chương trình Liên thông cao đẳng	495.000đ/tín chỉ	
04	Chương trình Trung cấp, Trung cấp 9 +	352.000đ/tín chỉ	
05	Chương trình cho các lớp văn hóa trung cấp 9 +	12.000đ/tiết	

Lưu ý: * Mức học phí trên không bao gồm thi lại, học lại.

* Đính kèm bảng tổng hợp học phí áp dụng khóa tuyển sinh 2025.

HIỆU TRƯỞNG 

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Lưu VT, PKHTC



BẢNG TỔNG HỢP HỌC PHÍ KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2025

CAO ĐẲNG						
Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
1	6480201	Công nghệ thông tin CLC	96	693,000	66,528,000	
2	6480201	Công nghệ thông tin	92	495,000	45,540,000	
3	6480104	Truyền thông và mạng máy tính	91	495,000	45,045,000	
4	6320201	Hệ thống thông tin	87	495,000	43,065,000	
5	6210402	Thiết kế đồ họa	89	495,000	44,055,000	
6	6480207	Lập trình máy tính	90	495,000	44,550,000	
7	6340122	Thương mại điện tử	99	495,000	49,005,000	
8	6510312	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	92	495,000	45,540,000	
9	6510305	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	98	495,000	48,510,000	
10	6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính	90	495,000	44,550,000	
11	6340404	Quản trị kinh doanh	86	495,000	42,570,000	
12	6340301	Kế toán	85	495,000	42,075,000	
13	6340202	Tài chính – Ngân hàng	83	495,000	41,085,000	
14	6340113	Logistics	85	495,000	42,075,000	
15	6340113	Logistics CLC	99	693,000	68,607,000	
16	6340116	Marketing	82	495,000	40,590,000	
17	6810103	Hướng dẫn du lịch	80	495,000	39,600,000	
18	6340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	85	495,000	42,075,000	
19	6320106	Truyền thông đa phương tiện	83	495,000	41,085,000	
20	6480214	Thiết kế trang web	99	495,000	49,005,000	
LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG						
Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
21	6480201	Công nghệ thông tin	39	495,000	19,305,000	
22	6480104	Truyền thông và mạng máy tính	40	495,000	19,800,000	
23	6320201	Hệ thống thông tin	39	495,000	19,305,000	
24	6210402	Thiết kế đồ họa	39	495,000	19,305,000	
25	6510312	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	41	495,000	20,295,000	
26	6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính	40	495,000	19,800,000	
27	6340404	Quản trị kinh doanh	59	495,000	29,205,000	
28	6340301	Kế toán	38	495,000	18,810,000	
29	6340202	Tài chính – Ngân hàng	51	495,000	25,245,000	
30	6340113	Logistics	54	495,000	26,730,000	
31	6810103	Hướng dẫn du lịch	48	495,000	23,760,000	
32	6340102	Kinh doanh xuất nhập khẩu	54	495,000	26,730,000	



TRUNG CẤP

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	
33	5480205	Tên ngành	62	352,000	21,824,000	
34	5510312	Tin học ứng dụng	62	352,000	21,824,000	
35	5340302	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	60	352,000	21,120,000	
36	5480215	Kế toán doanh nghiệp	59	352,000	20,768,000	
37	5480212	Thiết kế và quản lý Website	60	352,000	21,120,000	
38	5480102	Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính	60	352,000	21,120,000	
39	5480209	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	62	352,000	21,824,000	

VĂN HÓA

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
40	5480205	Toán (252t); Văn (252t); Sử (168t); Lý (168t)	840	12,000	10,080,000	

Các khoản thu khác:

- LP xét tuyển: 30.000đ
- LP nhập học, cầm nang, đồng phục: 323.000đ.
- LP thẻ quản lý SV đa năng VinaID: 360.000đ.

